Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quân lực Việt Nam Cộng hòa (1955-1963)

- **Vũ Quý Tùng Anh**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM KHXH&NV

TÓM TẮT:

Quân lực Việt Nam Cộng hòa là 1 sản phẩm của chủ nghĩa thực dân mới và chiến tranh của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, nó được tổ chức, biên chế, trang bị hiện đại và hoạt động tác chiến theo quân đội Mỹ. Qua việc tìm hiểu cơ cấu tổ chức và hoạt động của nó trong giai đoạn 1955-1963, tác giả góp phần lý giải thất bại của Mỹ trong chiến tranh thực dân mới ở miền Nam Việt Nam đó thực chất là thất bại quân sự.

Từ khóa: *Quân lực Việt Nam Cộng hòa, thực dân mới Mỹ, miền Nam Việt Nam*

1. Vài nét về sự hình thành của Quân lực Việt Nam Cộng hòa

Quân lực Việt Nam Cộng hòa được hình thành từ quân đội Liên hiệp Pháp, khởi đầu lấy tên gọi là "Quân đội Quốc gia" được "khai sinh" từ năm 1946 nhưng đến ngày 11/5/1950 mới chính thức được Quốc hội Pháp phê chuẩn.

Trong giai đoạn từ năm 1946 đến năm 1950, trang bị, hệ thống tiếp vận, huấn luyện của "Quân đội Quốc gia" đều do quân đội Pháp đảm trách với lực lượng chủ yếu như sau: *"Tại Bắc Việt, Bảo chính đoàn với các lực lượng công giáo; tại Trung Việt: Việt binh đoàn với các lực lượng bổ túc; tại Nam Việt: Vệ binh Nam Việt với các lực lượng giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Công giáo Bến Tre"*[1]. Năm 1949, do nhu cầu bành trướng của quân đội, một trường sĩ quan đã được thành lập tại Huế với nhiệm vụ cơ bản là đào tạo cán bộ để từng bước thay thế các sĩ quan người Pháp. Đến năm 1950, một hội nghị quân sự Việt- Pháp đã được diễn ra tại Đà Lạt với mục đích *"thỏa hiệp Quân đội Quốc gia Việt Nam trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp với số quân 115.000 người"*[2] và chuyển sang cho Quân đội Quốc gia *"6 tiểu đoàn sơn cước đầu tiên"*[3].

Trong những năm 1950-1955, "Quân đội Quốc gia" được Pháp với sự can thiệp gián tiếp của Mỹ đã từng bước tiến hành xây dựng đội ngũ quân đội bằng cách thành lập Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu, tổ chức lại lãnh thổ, tiêu diệt các thành phần đối lập và các giáo phái phản đối chủ trương "thống nhất quân đội toàn quốc" như Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo. Bộ Quốc phòng đã được thành lập vào tháng 5/5/1951, với cơ cấu tổ chức như sau: *"Nha Đổng lý, Nha Tổng hành dinh và Binh lương, Nha Thanh tra, Nha Tư pháp quân sự, Sở Báo chí và Thông tin, Nha Quân nhu, Nha Quân y, Nha Nhân viên"*[4]. Ngày 1 tháng 5 năm 1952, Bộ Tổng tham mưu "Quân đội Quốc gia" được chính thức hình thành để thay thế cho Bộ Tổng chỉ huy Pháp. Các cơ quan thường trực thuộc Bộ Tổng tham mưu dần được hiện hữu với những thành phần sau đây: *"Tổng Tham mưu trưởng và văn phòng, Tham mưu trưởng, 3 Tham mưu phó gồm: tổ chức quân nhân*

[1] Phạm Đình Chi (1970-1971), *Tổ chức Quân lực Việt Nam Cộng hòa thời hậu chiến*, Vv 2779, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Tr. 6-7

[2] Phạm Đình Chi (1970-1971), Sđd, Tr. 8.

[3] Phạm Đình Chi (1970-1971), Sđd, Tr. 8.

[4] *Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn hình thành 1946-1955*, Vv 4053, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tr. 222.

và nhân viên, hành quân, huấn luyện và tiếp vận, 4 phòng Tham mưu chính 1,2,3 và 4, Nha An ninh quân đội, Ban Không quân, Ban Hải quân, Trung tâm công văn và công điện, Nha Quân y, Nha Quân nhu, Nha Quân cụ, Nha Nhân viên, Ban Công tác tinh thần, Ban Tổng nghiên cứu, Nha Quân trường"[5].

Sau khi Hiệp định Gionevơ được ký kết (1954), Mỹ đã từng bước thay thế Pháp, viện trợ trực tiếp cho chính quyền Sài Gòn để tiến hành xây dựng bộ máy quân đội. Được sự hẫu thuận đó, bộ máy quân đội chính quyền Sài Gòn được tiến hành cải tổ lại, trong đó Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm *"xúc tiến việc ban hành chỉ thị về chức trưởng các cấp chỉ huy, thu hồi, tàng trữ và tu sửa lại những chiến cụ và vật dụng xét ra không cần thiết cho các đơn vị; xét lại những bảng cung cấp chiến cụ và vật dụng; thành lập các sư đoàn và trung đoàn; mở rộng việc huấn luyện binh sĩ, từ lớp huấn luyện chỉ huy trung đoàn, lớp đào tạo huấn luyện viên chiến đấu cho đến các trường huấn luyện địa phương đều thực hiện theo phương pháp mới"*[6]. Bộ Tổng tham mưu tiến hành *"Thành lập đại đội chuyên chở và dự trữ tổng quát; Chỉnh đốn quân số dự trù và quân số đã thực hiện; Thành lập các biểu đồ quân số; Phân phối các sĩ quan theo lớp tiểu đoàn trưởng; Nghiên cứu vấn đề gọi nhập ngũ 10.000 người; Nghiên cứu vấn đề giải ngũ cho binh sĩ Thái; Ấn định ngày gọi nhập ngũ…"*[7]. Ngoài ra, chính quyền Sài Gòn còn gửi các sĩ quan đi đào tạo ở Mỹ và Pháp để học các lớp Tổng Tham mưu, Truyền tin, Vật liệu, Trọng pháo.

Cũng trong năm 1954, Bộ Tổng tham mưu được cải tổ lại như sau: *"Tổng Tham mưu trưởng, Tham mưu trưởng, Tham mưu phó, Phòng 1, Phòng 2, Phòng 3, Phòng 4, Phòng 5, Phòng Tổng nghiên cứu, Trung tâm công văn và công điện, Bộ chỉ huy Viễn thông, Văn phòng Phụ tá không quân, Văn phòng Phụ tá hải quân, Phòng huy chương, Bộ chỉ huy binh chủng thiết giáp, Bộ chỉ huy binh chủng pháo binh, Bộ chỉ huy binh chủng công binh, Bộ chỉ huy binh chủng xa binh"*[8].

Về tổ chức lãnh thổ, chia thành 4 quân khu như sau:

Đệ I quân khu: Phân khu Mỹ Tho (Mỹ Tho, Tân An, Gò Công và Bến Tre), Phân khu Vĩnh Long (Trà Vinh, Vĩnh Long, Sa Đéc), Phân khu Sóc Trăng (Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá), Phân khu Cần Thơ (Cần Thơ, Long Xuyên, Châu Đốc và Hà Tiên), Phân khu Đông (Biên Hòa, Thủ Đức, Thủ Dầu Một, Bà Rịa và Vũng Tàu), Phân Khu Sài Gòn-Chợ Lớn (Tây Ninh, Chợ Lớn, Gia Định, Cần Đước, Cần Giuộc), Tiểu khu biệt lập Côn Đảo, Tiểu khu biệt lập Phú Quốc.

Đệ II quân khu gồm các tỉnh: Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam

Đệ III quân khu gồm các tỉnh: Pleiku, Kontum, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên

Đệ IV quân khu gồm các tỉnh: Đaclac, Tuyên Đức, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Bình Thuận[9].

Về lực lượng quân đội gồm Bộ binh, Pháo binh, Xa binh, Công binh, Hải quân, Không quân và các giáo phái cụ thể như sau: *Bộ Binh: 162 tiểu đoàn, trong đó có tổ chức cấp chiến đoàn lưu động; 72 tiểu đoàn khinh quân, 1 liên đoàn nhảy dù. Pháo binh: 15 Đại đại trọng pháo; 8 tiểu đoàn pháo binh. Thiết giáp: 7 trung đoàn; 7 đại đội kỵ binh thám thính. Xa binh: 6 tiểu đoàn, 1 đại đội vận tải. Công binh: 5 tiểu đoàn công binh chiến đấu; 91 đại đội phụ lực. Hải quân: 1 đơn vị Hải quân; 4 Hải đoàn xung phong; 3 tàu dò mìn. Không quân: 2 phi đội quan sát và trợ chiến; 1 phi đội liên lạc; 1 phi đội*

[5] Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn hình thành 1946-1955, Sđd, Tr. 242-243.
[6] Công văn Mật số 1549 về hoạt động của Bộ quốc phòng tháng 10-1954 của Bộ trưởng Quốc phòng gửi Thủ tướng, Phông Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 14631, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tr. 3
[7] Công văn Mật số 2378 của Tổng trưởng Quốc phòng gửi Thủ tướng, Phông Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 14631, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tr. 1.
[8] Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn hình thành 1946-1955, Sđd, Tr. 245.
[9] Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn hình thành 1946-1955, Sđd, Tr. 400-401.

vận tải; 1 tiểu đoàn không quân; 1 trung tâm huấn luyện. Lực lượng giáo phái gồm có Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên và Công giáo[10].

Có thể nói từ ngày thành lập cho đến năm 1955, quân đội Quốc gia Việt Nam vẫn lệ thuộc vào quân đội Pháp với sự trợ giúp gián tiếp của Mỹ. Ngày 26/10/1955, dưới sự trợ giúp đắc lực của Mỹ, Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống, thành lập nền Đệ nhất Cộng hòa. Từ đây "Quân đội Quốc gia" được đổi thành "Quân lực Việt Nam Cộng hòa" và chuyển hướng tổ chức, biên chế, tác chiến theo kiểu Mỹ.

2. Cơ cấu tổ chức của Quân lực Việt Nam Cộng hòa từ 1955 đến 1963

Sau khi lên làm Tổng thống, Ngô Đình Diệm ban hành Hiến pháp, quy định Tổng thống là Tổng Tư lệnh tối cao của các lực lượng quân sự và được quyền bổ nhiệm, cách chức tất các công chức dân sự và quân sự. Trong thời gian này Quân lực Việt Nam Cộng hòa được hoạch thảo chương trình huấn luyện và cải tổ hệ thống Bộ Quốc phòng, hệ thống Bộ Tổng tham mưu, lực lượng Hải-Lục-Không quân theo cách thức của quân đội Mỹ.

2.1. Về tổ chức của Quân đoàn

Để đáp ứng chương trình huấn luyện theo lề lối của Mỹ *"Thứ 1, huấn luyện tân binh, hoàn hảo cá nhân và đơn vị theo lối huấn luyện của Mỹ; Thứ 2, huấn luyện tại chỗ, thao lược các đơn vị"*[11] các đơn vị tác chiến được cải tổ lại bằng cách thành lập các Quân đoàn. Cơ cấu tổ chức của quân đoàn bao gồm các đơn vị cơ hữu, đơn vị biệt phái và đơn vị tác chiến được tổ chức như sau: *"Đơn vị cơ hữu: 1 Bộ tham mưu và Đại đội tổng hành dinh; Bộ tham mưu và Pháo đội công vụ; Phân đội quân y; Tiểu đoàn truyền tin. Đơn vị biệt phái: Tùy theo nhiệm vụ giao phó cho quân đoàn và thời gian cần thiết để làm tròn nhiệm vụ đó, sẽ cố một số đơn vị thuộc các binh chủng, Nha hoặc sở do Đại tướng Tổng Tham mưu trưởng quân lực Việt Nam Cộng hòa chỉ định được biệt phái vào thành phần này. Đơn vị tác chiến trên nguyên tắc 3 sư đoàn"*[12]. Dựa trên cơ cấu tổ chức nêu trên, từ năm 1957 đến năm 1963, Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã thành lập 4 quân đoàn: Quân đoàn 1 được thành lập vào ngày 3/5/1957, Quân đoàn 2 được thành lập vào ngày 1/10/1957, Quân đoàn 3 được thành lập vào ngày 1/3/1959 và Quân đoàn 4 thành lập ngày 1/1/1963. Nhiệm vụ chung của Quân đoàn là tổ chức tiến hành các cuộc hành quân để *"Phòng thủ-Tấn công"* và *"làm chậm mọi bước tiến của đối phương"*[13], cụ thể là điều khiển các hoạt động hành quân "tìm diệt", điều khiển các hoạt động biên phòng để ngăn chặn mọi sự xâm lược an ninh quốc gia[14].

2.2. Về tổ chức Sư đoàn

Đầu năm 1955, có ba sư đoàn được thành lập đó là Sư đoàn 21 bộ binh, Sư đoàn 31 bộ binh, Sư đoàn 32 bộ binh. Đến tháng 2 năm 1955, thành lập Sư đoàn 6 bộ binh, tuy nhiên đến tháng 8/1955, những sư đoàn này lại được đổi tên thành các Sư đoàn dã chiến để đáp ứng yêu cầu của người Mỹ. Ngoài những sư đoàn dã chiến này, thì 6 sư đoàn khinh chiến cũng được thành lập đó là Sư đoàn khinh chiến số 1, Sư đoàn khinh chiến số 2, Sư đoàn khinh chiến số 3, Sư đoàn khinh chiến số 4, Sư đoàn khinh chiến số 5, Sư đoàn khinh chiến số 6. Tuy nhiên ngay sau đó, Sư đoàn dã chiến số 6 được đổi tên thành Sư đoàn dã chiến số 41 còn Sư đoàn Dã chiến số 31 đổi thành Sư đoàn dã chiến số 11 để hợp với quân khu trú đóng. Tháng 10/1955, Bộ Tổng tham mưu tiếp tục cải danh các Sư đoàn như sau: *"Các sư đoàn dã chiến đánh số từ 1 đến 4, các sư đoàn khinh chiến đánh số từ 11 đến 16, các*

[10] Phạm Đình Chi (1970-1971), Sđd, Tr. 9.
[11] *Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn hình thành 1946-1955*, Sđd, Tr. 386.
[12] Phiếu đệ trình của Bộ trưởng Quốc phòng về việc thành lập Quân đoàn 1, Phông Phủ Tổng thống đệ nhất Cộng hòa, Hồ sơ 1097, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tr. 1-2.
[13] Phiếu trình về việc thành lập Quân đoàn và cải tổ các Binh đoàn tác chiến, Phông Phủ Tổng thống đệ nhất Cộng hòa, Hồ sơ 1097, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
[14] Viện lịch sử quân sự-Bộ quốc phòng, *Hệ thống tổ chức quân sự của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa (2003)*, Nxb. Quân đội, Tr. 140

trung đoàn trong sư đoàn dã chiến đánh số từ 1 đến 12, các trung đoàn trong sư đoàn khinh chiến đánh số từ 31 đến 48"[15]. Sau khi được cải danh, các sư đoàn dã chiến được đổi lại như sau: *"Sư đoàn dã chiến số 21 đổi thành Sư đoàn dã chiến số 1, Sư đoàn dã chiến số 32 đổi thành sư đoàn dã chiến số 2, Sư đoàn dã chiến số 41 đổi thành sư đoàn dã chiến số 3, Sư đoàn dã chiến số 11 đổi thành sư đoàn dã chiến số 4"*[16]. Cùng với Sư đoàn Dã chiến thì Sư đoàn Khinh chiến được đổi lại: *"Sư đoàn khinh chiến số 1 đổi thành Sư đoàn khinh chiến số 11; Sư đoàn khinh chiến số 2 đổi thành Sư đoàn khinh chiến số 12, Sư đoàn khinh chiến số 3 đổi thành Sư đoàn khinh chiến số 13; Sư đoàn khinh chiến số 4 đổi thành Sư đoàn khinh chiến số 14; Sư đoàn khinh chiến số 5 đổi thành Sư đoàn khinh chiến số 15; Sư đoàn khinh chiến số 6 đổi thành Sư đoàn khinh chiến số 16"*[17].

Để thống nhất chỉ huy và trang bị và khắc phục những hạn chế của các Sư đoàn như *"Quân số ít ỏi, hỏa lực yếu ớt, phương tiện nghèo nàn"*[18] năm 1958, Quân lực Việt Nam Cộng hòa ban hành Nghị định 504/QP tiến hành cải tổ các sư đoàn dã chiến và sư đoàn khinh chiến thành sư đoàn bộ binh *"Sư đoàn dã chiến số 1 đổi thành Sư đoàn 1 bộ binh, Sư đoàn dã chiến số 2 đổi thành Sư đoàn 2 bộ binh, Sư đoàn dã chiến số 3 đổi thành Sư đoàn 5 bộ binh, Sư đoàn dã chiến số 4 đổi thành Sư đoàn 7 bộ binh, Sư đoàn khinh chiến số 11 đổi thành sư đoàn 21 bộ binh, Sư đoàn khinh chiến số 14 đổi thành sư đoàn 22 bộ binh, Sư đoàn khinh chiến số 15 đổi thành sư đoàn 23 bộ binh"*[19]. Riêng đối với các Sư đoàn khinh chiến số 12, Sư đoàn khinh chiến số 13 và Sư đoàn khinh chiến số 16, Quân lực Việt Nam Cộng hòa ban hành Nghị định 503/QP *"giải tán các Sư đoàn khinh binh số 12, 13, 16 và các đơn vị thuộc thành phần các sư đoàn này"*[20]. Các sư đoàn mới gồm *"1 Bộ Tham mưu và Đại đội Tổng hành dinh, 1 Tiểu đoàn Công binh chiến đấu, 1 Đại đội Quân y, 1 Đại đội sửa chữa quân cụ, 1 Đại đội Quân nhu, 1 Đại đội Tham báo, 1 Đại đội Truyền tin, 1 Đại đội Vận tải, 1 Trung đoàn pháo binh gồm 3 tiểu đoàn 105 ly, 3 Trung đoàn Bộ binh"*[21]. Đến năm 1962, Quân lực Việt Nam Cộng hòa thành lập thêm 2 sư đoàn mới đó là sư đoàn 9 bộ binh (1/1/1962) và sư đoàn 25 bộ binh (1/7/1962), nâng tổng số lên 9 sư đoàn.

Như vậy, tính đến năm 1963 các sư đoàn của Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã được tổ chức thành một loại duy nhất với tổng số 9 sư đoàn bộ binh, không còn Sư đoàn Dã chiến hay Khinh chiến với hy vọng trong tương lai sẽ có đủ mọi phương tiện chiến đấu trong những hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, tướng tá chính quyền này thì nhận định các *"sư đoàn hình thành chỉ có giá trị tuyên truyền"*[22].

2.3. Về cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng và hệ thống Quân lực Việt Nam Cộng hòa

Về tổ chức Bộ Quốc phòng: Bộ trưởng Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Tổng thống-Tư lệnh tối cao của Quân lực Việt Nam Cộng hòa, có nhiệm vụ tổ chức và điều hành những lực lượng và cơ quan thuộc thành phần Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Ngoài ra, Bộ trưởng Quốc phòng đề nghị lên Tổng thống những dự án ngân sách, những kế hoạch cùng chương trình tổng quát về việc phân phối và xử dụng phương tiện, kiểm soát việc chi

[15] Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn hình thành 1946-1955, Sđd, Tr. 340.
[16] Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn hình thành 1946-1955, Sđd, Tr. 342-343.
[17] Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn hình thành 1946-1955, Sđd, Tr. 342-343.
[18] Sự vụ văn thư về việc thành lập Trung đoàn mẫu, Phông Phủ Tổng thống đệ nhất Cộng hòa, Hồ sơ 1097, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
[19] Sự vụ văn thư về việc cải tổ các Sư đoàn Dã chiến 1,2,3,4 và các Sư đoàn khinh chiến 12,13,16, Phông Phủ Tổng thống đệ nhất Cộng hòa, Hồ sơ 1424, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
[20] Nghị định 503 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Phông Phủ Tổng thống đệ nhất Cộng hòa, Hồ sơ 1424, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
[21] Nghi định 504 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng, Phông Phủ Tổng thống đệ nhất Cộng hòa, Hồ sơ 1424, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
[22] Trần Trọng Trung (1987), Một cuộc chiến tranh sáu đời Tổng thống, Tập 2, Nxb. Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, Tr. 104.

tiêu quân phí và thanh tra trong hệ thống Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

Để giúp việc cho Bộ trưởng Quốc phòng, chính quyền Sài Gòn cho phép thành lập Nha Đổng lý Văn phòng, Nha này gồm có Văn phòng chính thức và Biệt bộ Tham mưu. Trong đó, Văn phòng có nhiệm vụ thu thập mọi tài liệu cho Bộ trưởng, liên lạc với các Văn phòng Bộ trưởng khác, trình Bộ trưởng các giấy tờ trình ký, tuyền đạt lệnh của Bộ trưởng đến các cơ quan thừa hành và theo dõi việc thi hành, còn Biệt bộ Tham mưu là cơ quan chuyên trách về môn quân sự.

Ngoài ra, Bộ trưởng Quốc phòng được phép sử dụng Bộ Tổng tham mưu, Nha Tổng thanh tra quân khí, Nha Tổng thanh tra quân đội, Nha Tổng giám đốc hành chính, ngân sách và kế toán, Nha Nhân viên, Nha Quân pháp và Hiến binh, Nha Cựu chiến binh và Phế binh Nha An ninh quân đội, Nha Chiến tranh tâm lý, Nha Cứu tế xã hội, Nha Địa dư. Riêng các Nha như Nha Quân nhu, Nha Quân cụ, Nha Quân y, Nha Quân bưu, Nha Kỹ thuật hải quân, Nha kỹ thuật không quân, Nha Công binh, Sở Truyền tin thuộc quyền Bộ quốc phòng về hành chính, pháp luật và tài chính.

Bộ Tổng tham mưu: Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa là Bộ tham mưu liên quân (gồm Hải-Lục-Không quân) đặt dưới quyền của Tổng Tham mưu trưởng. Tổng Tham mưu trưởng do Tổng thống bổ nhiệm. Ngoài ra, Bộ Tổng tham mưu còn quản lý các Nha như: Nha Quân nhu, Nha Quân cụ, Nha Quân y, Nha Quân bưu, Nha Kỹ thuật hải quân, Nha kỹ thuật không quân, Nha Công binh, Sở truyền tin về mặt chuyên môn và chỉ huy.

Tổng Tham mưu trưởng có nhiệm vụ *"nghiên cứu và đệ trình Bộ quốc phòng kế hoạch tổ chức toàn thể Quân đội Việt Nam Cộng hòa; Ban hành những chỉ thị cần thiết cho các tư lệnh quân chủng (Hải-Lục và Không quân) về vấn đề tổ chức; Nghiên cứu và đệ trình Bộ quốc phòng những đề nghị cần thiết liên quan đến việc tổ chức các cơ quan thuộc Bộ kể cả những "Cơ quan Trung ương" nhất là trên phương diện tiếp vận; Đệ trình ý kiến hay đề nghị việc thuyên chuyển hoặc bổ nhiệm các cấp chỉ huy cao cấp (Tư lệnh, Quân chủng, Quân đoàn, Quân khu, Sư đoàn; Giám đốc cơ sở tiếp vận, Chỉ huy trưởng binh chủng…); Tổ chức, điều khiển và kiểm soát sự hoạt động các Trường và Trung tâm huấn luyện Quân sự Hải, Lục, Không quân kể cả các Trung tâm huấn luyện Dự bị Cao đẳng, Quân sự. Nghiên cứu và đệ trình mọi kế hoạch bảo vệ lãnh thổ Quốc gia và lâm thời kế hoạch thực hiện công cuộc bình định duy trì an ninh trong nước; Nhân danh Tổng Tư lệnh tối cao điều khiển và kiểm soát mọi cuộc hành quân đã được Tổng Tư lệnh tối cao quyết định; Tổ chức, sưu tầm, điều khiển và khai thác mọi tin tức cần thiết cho quân đội; Thiết lập trận biệt…"* [23]. Với các Quân khu,Tổng Tham mưu trưởng trực tiếp tổ chức, điều khiển đôn đốc, kiểm soát, phối hợp sự hoạt động của Quân khu. Giúp việc cho Tổng Tham mưu trưởng có một Tham mưu trưởng và nhiều phụ tá giúp việc, tất cả đều do Tổng thống bổ nhiệm. Tham mưu trưởng điều khiển mọi hoạt động các phòng thuộc Bộ Tổng tham mưu.

Đối với lực lượng Hải-Lục-Không quân, mỗi lực lượng có một Bộ Tư lệnh riêng biệt, Bộ Tư lệnh Hải quân, Bộ Tư lệnh Không quân, Bộ Tư lệnh Lục quân và các Bộ chỉ huy binh chủng: Viễn thông, Pháo binh, Thiết giáp, Kỵ binh, Công binh, Xa binh, Thông vận binh. Tư lệnh được bổ nhiệm do sắc lệnh của Tổng thống đồng thời đảm nhận chức phụ tá Tổng Tham mưu trưởng về phương diện kỹ thuật của ngành mình. Chỉ huy trưởng các binh chủng do Bộ trưởng Quốc phòng và Tổng Tham mưu đề xuất và được bổ nhiệm bằng nghị định của Tổng thống, đồng thời đảm nhận chức Cố vấn và Phụ tá cho Tư lệnh Lục quân về phương diện kỹ thuật của ngành mình. Tư lệnh quân chủng và chỉ huy trưởng có nhiệm vụ tổ chức, điều khiển, huấn

[23] Huấn thị áp dụng sắc lệnh 378 ngày 3/10/1957 ấn định sự tổ chức Quốc phòng, Phông Phủ Tổng thống đệ nhất Cộng hòa, Hồ sơ 1424, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

luyện, các đơn vị và sở trực thuộc theo lệnh của Tổng Tham mưu trưởng và soạn thảo dự các án ngân sách để trình Bộ Quốc phòng.

Về tổ chức của Hải quân: Đứng đầu là Tư lệnh Hải quân, kiêm chức vụ phụ tá và chịu trách nhiệm trước Tổng Tham mưu trưởng về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật. Tư lệnh Hải quân điều khiển các đơn vị Hải quân và Thủy quân lục chiến.

Về tổ chức của Lục quân: Đứng đầu là Tư lệnh Lục quân chịu trách nhiệm trước Tổng Tham mưu trưởng, điều khiển các cơ sở và đơn vị Lục quân. Trực thuộc Bộ tư lệnh Lục quân gồm có các đơn vị tác chiến và các binh chủng Viễn thông, Pháo binh, Công binh, Thiết giáp Binh, Thông vận binh, Xa binh.

Về tổ chức của Không quân: Đứng đầu Bộ Tư lệnh Không quân là Tư lệnh không quân, phụ tá của Tổng Tham mưu trưởng về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật Không quân. Tư lệnh Không quân chịu trách nhiệm trước Tổng Tham mưu trưởng về việc điều khiển các đơn vị Không quân.

Về quân số và trang bị: Cùng với việc "cải tổ" cơ cấu tổ chức, dưới sự giúp sức của Mỹ, quân số và trang bị cũng được tăng dần theo thời gian:

Năm 1955, theo lệnh Mỹ, Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã đề ra kế hoạch quân số 150.000 để đáp ứng với thời bình. Đến năm 1956, Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã hoàn tất việc xây dựng này, bảng tổng hợp quân số toàn thể của Hải-Lục Không quân tính đến ngày 1/11/1956, của Bộ Tổng tham mưu quân lực Việt Nam Cộng hòa thì *"quân số thuộc các binh chủng Hải-Lục-Không quân về lý thuyết có 150.091 người, quân số thực hiện có 241.103 người, quân số hưởng lương 150.768 người"*[24]. Trang bị của Lực lượng không quân *"máy bay chiến đấu 100 chiếc, dự trữ có 132 chiếc. Các căn cứ không quân Pháp đã chuyển giao được Mỹ sửa chữa, thiết bị đầy đủ hơn. Bốn căn cứ: Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất, Phú Bài, Nha Trang máy bay phản lực F84, F86 lên xuống được. Còn lại 58 sân bay loại nhỏ dành cho máy bay Dakota sử dụng, phần lớn hư hỏng đang sửa chữa lại"*[25]. Trang bị của lực lượng Hải quân có *"2 tiểu đoàn thủy quân lục chiến, 4 đại đội không quân trợ chiến, 1 đại đội biệt kích hải quân, 121 tàu chiến đấu trên sông, trọng tải 5.130 tấn, 25 tàu hải quân trên biển trọng tải 7.795 tấn, 95 tàu của lực lượng ở các căn cứ, trọng tải 2.680 tấn. Các căn cứ hải quân cũ được tổ chức lại thành 4 Hải khu, Mỹ đã bỏ ra 350 triệu động tiền Sài Gòn sửa chữa lại và lắp thêm một hệ thống hải đăng dọc bờ biển"*[26].

Đến năm 1963, lực lượng Hải-Lục-Không quân của Quân lực Việt Nam Cộng hòa được gia tăng lên tới *"220.020 người"*[27], về trang bị của Không quân có: *"11 phi đoàn máy bay gồm 255 chiếc của quân đội Sài Gòn và 118 chiếc của Mỹ, trong đó có 1/3 là trực thăng cơ động"*. Về trang bị Hải quân có thêm *"các chiến hạm (Hộ Tống hạm) và Hỏa Vận hạm, Tuần Duyên đỉnh, quân số gia tăng từ 5.496 lên 6.467 người"*[28]. Các căn cứ hải quân, sân bay đã được xây dựng theo hướng hiện đại, đặc biệt là sân bay Tân Sơn Nhất đã được mở rộng và hiện đại hóa dùng cho phi cơ phản lực và pháo đài bay. Ngoài ra, chính quyền Việt Nam Cộng hòa còn tiến hành thành lập Lực lượng Đặc biệt nhằm thực hiện các nhiệm vụ chiến thuật và chiến lược do Phủ Tổng thống trực tiếp quản lý.

Về tổ chức lãnh thổ: Năm 1955, lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa được chia làm 4 Quân khu, tuy nhiên cùng với việc cải tổ hệ thống quân đội vào năm 1957, chính quyền Diệm tiếp tục phân chia lãnh thổ làm 6 Quân khu gồm: Quân khu Thủ đô;

[24] Tài liệu PT/TTM, Bản tổng kết toàn thể quân số thuộc Hải-Lục-Không quân tính đến tháng 11-1956, Phông Phủ Tổng thống đệ nhất Cộng hòa, Hồ sơ 935, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I,Tr 1

[25] Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975),*Tập 2 Chuyển chiến lược (2003)*,Nxb. Chính trị Quốc gia, Tr. 68

[26] Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), Tập 2, Sđd, Tr. 68.

[27] Báo cáo (mật) Tổng kết hoạt động quân đội VNCH năm 1963 của Võ Phòng Phủ Thủ tướng, Phông Phủ Thủ tướng, Hồ sơ 14786, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

[28] Báo cáo (mật) Tổng kết hoạt động quân đội VNCH năm 1963, Tlđd, Tr. 2.

Quân khu I gồm các tỉnh miền Đông Nam phần; Quân khu II gồm 3 tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên và Quảng Nam; Quân khu III gồm 5 tỉnh: Pleiku, Kontum, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên; Quân khu IV gồm 5 tỉnh: Buôn Mê Thuật, Di Linh, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận; Quân khu V gồm các tỉnh miền Tây Nam phần. Năm 1960, chính quyền Sài Gòn cho quân khu III giải tán và sáp nhập vào Quân khu IV và như vậy, tổ chức lãnh thổ ở Nam Việt Nam chỉ còn 5 Quân khu[29].

Từ cuối năm 1962, chính quyền Sài Gòn chia miền Nam Việt Nam thành 4 Vùng chiến thuật và một Biệt khu Thủ đô, trong các Vùng chiến thuật gồm nhiều khu chiến thuật, trong các khu chiến thuật gồm nhiều tỉnh gộp thành, mỗi tỉnh là một tiểu khu. Về chỉ huy, chính quyền Sài Gòn quy định *"Bộ Tư lệnh Quân đoàn và Sư đoàn đồng thời là Bộ Tư lệnh vùng chiến thuật hoặc khu chiến thuật"*, trong đó *"Tư lệnh Quân đoàn kiêm nhiệm tư lệnh vùng chiến thuật, tư lệnh sư đoàn kiêm nhiệm tư lệnh khu chiến thuật", "các tiểu khu trực thuộc khu chiến thuật hay biệt khu, các vùng chiến thuật trực thuộc bộ Tổng tham mưu, các khu chiến thuật trực thuộc vùng chiến thuật"*[30], riêng Biệt khu Thủ đô trực thuộc Bộ Tổng tham mưu và được coi như một khu chiến thuật. Đối với các tiểu khu, chính quyền Sài Gòn đặt ra chức vụ Tiểu Khu trưởng trong đó quy định *"Tiểu Khu trưởng do Tỉnh trưởng kiêm nhiệm, nếu Tỉnh trưởng là quân nhân thì Phó tỉnh trưởng phụ trách nội an sẽ kiêm nhiêm nhiệm Tiểu Khu phó, nếu Tỉnh trưởng là dân chính thì Phó tỉnh trưởng nội an kiêm nhiệm chức vụ Tiểu Khu trưởng"*[31], Tiểu Khu trưởng có nhiệm vụ *"chỉ huy các đơn vị chính quy và các lực lượng bán quân sự"*[32]. Đối với lực lượng tại các vùng chiến thuật chính quyền quy định *"lực lượng thuộc dụng gồm: 2 hay 3 sư đoàn bộ binh, lực lượng bảo an tại các tiểu khu; lực lượng tăng phái gồm: các đơn vị bộ binh, biệt động quân, thiết giáp, pháo binh, công binh, truyền tin, các đơn vị đặc biệt, các đơn vị nhảy dù và thủy quân lục chiến; lực lượng yểm trợ trực tiếp gồm: các đơn vị không quân, các đơn vị hải quân, bộ chỉ huy tiếp vận"*[33]. Chính quyền Sài Gòn để mỗi Quân đoàn phụ trách một vùng chiến thuật, mỗi Sư đoàn phụ trách một khu chiến thuật, trong đó Tư lệnh Quân đoàn kiêm nhiệm Tư lệnh Vùng chiến thuật, Tư lệnh Sư đoàn kiêm nhiệm Tư lệnh Khu chiến thuật.

Việc kêu gọi nhập ngũ cũng được Quân lực Việt Nam Cộng hòa tiến hành và có tính chất liên tục. Trong đó, quy định thời gian nhập ngũ là 18 tháng và dự trù gia nhập *"mỗi ngày 80 người, mỗi tuần 480 người, trong bốn tháng là 8160 người"*[34]. Số quân mà Quân lực Việt Nam Cộng hòa dự trù sẽ tiến hành gọi nhập ngũ năm 1956 là *"10.000 người"*[35]. Đến năm 1958 là *36.000 người* và đến năm 1959 là *24.000 người và gọi 14.000 tân binh hiện dịch"*[36].

Ngoài những lực lượng chính quy, quân lực Việt Nam Cộng hòa còn tiến hành xây dựng các lực lượng phụ trợ khác như Bảo An đoàn, Dân Vệ đoàn đặt ở các tỉnh và các thôn xóm trên khắp miền Nam Việt Nam.

Song song với việc xây dựng lực lượng quân sự, xây dựng hệ thống sân bay, quân cảng, chính quyền Sài Gòn và cố vấn Mỹ còn xây hệ dựng hệ thống đường chiến lược như *"đường Đà Nẵng đi Playcu-*

[29] Nguyễn Xuân Hoài (2011), Luận án Tiến sĩ *"Chế độ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1955-1963"*, Trường ĐHKHXH&NV,TP.HCM

[30] Huấn thị thi hành Sắc lệnh số 132/QP ngày 25-10-1963 về việc phân chia lãnh thổ Quốc gia thành 4 Vùng chiến thuật và 1 Biệt khu Thủ đô, Phông Phủ Tổng thống đệ nhất Cộng hòa, Hồ sơ 2974, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tr 3.

[31] Huấn thị thi hành Sắc lệnh số 132/QP, Tlđd, Tr 3.

[32] Huấn thị thi hành Sắc lệnh số 132/QP, Tlđd, Tr. 3.

[33] Huấn thị thi hành Sắc lệnh số 132/QP, Tlđd, Tr. 3.

[34] Phiếu đệ trình Tổng thống Việt Nam Cộng hòa số 143 về việc kêu gọi nhập ngũ, Phông Phủ Tổng thống đệ nhất Cộng hòa, Hồ sơ 935, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tr. 3.

[35] Phiếu đệ trình Tổng thống Việt Nam Cộng hòa số 143, Tlđd, Tr. 5.

[36] Biên bản số 4185 TTK/I/I/MK về việc xét bảng cấp số mẫu mới sẽ áp dụng cho các Sư đoàn và kế hoạch gọi tân binh quân dịch, Phông Phủ Tổng thống đệ nhất Cộng hòa, Hồ sơ1424, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

Pác Xế nối liền cảng Đà Nẵng với các căn cứ của Mỹ ở Lào và Thái Lan xuyên qua Tây Nguyên; đường Đà Nẵng đi Đồng Hà-Xê Pôn-Viên Chăn được tu bổ. Nổi lên trong hệ thống đường chiến lược là Xa lộ Sài Gòn-Biên Hòa đang được hoàn tất khẩn trương"[37]. Tất cả những công việc trên chỉ nhằm một mục tiêu biến miền Nam Việt Nam thành căn cứ quân sự, một căn cứ chiến lược hiện đại làm bàn đạp tấn công ra Bắc nhằm chia cắt non sông đất nước ta.

Như vậy, lực lượng trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa (1955-1963) dưới sự "nuôi dưỡng" của Mỹ đã không ngừng được củng cố và bành trướng về tổ chức cũng như quân số và trang bị kỹ thuật. Tuy nhiên, cái hiện đại mà lực lượng đó có được đều do Pháp mà hình thành, được Mỹ xây dựng bằng đôla và vũ khí. Lực lượng này sống nhờ hoàn toàn vào viện trợ đôla của ngoại bang, điều đó được thể hiện trong năm tài khóa 1954-1955 và 1955-1956, Mỹ viện trợ 630 triệu đôla cho quân sự và di dân, thì đến năm tài khóa 1962-1963, viện trợ kinh tế của Mỹ đối với Nam Việt Nam là 200 triệu đôla trong khi đó viện trợ quân sự lên tới 500 triệu đôla[38]. Tổng cộng lại đạt tới con số khủng khiếp là 700 triệu đôla. Sẽ nhận thấy rõ hơn tầm quan trọng của khoản tiền này khi biết rằng, năm 1963, tổng số vốn dân sự và quân sự của chính quyền Sài Gòn là 315 triệu đôla[39]. Rõ ràng, Quân lực Việt Nam Cộng hòa nói riêng và chính quyền Sài Gòn nói chung hoàn toàn phụ thuộc vào Mỹ.

3. Hoạt động của Quân lực Việt Nam Cộng hòa (1955-1963)

Cùng với việc xây dựng, cải tổ bộ máy quân đội, chính quyền Sài Gòn đã chỉ đạo quân lực tiến hành các cuộc hành quân loại bỏ các giáo phái và đàn áp, càn quét khủng bố phong trào cách mạng. Ngày 21/9/1955, quân lực Việt Nam Cộng hòa mở chiến dịch Hoàng Diệu bao vây, tấn công vào Rừng Sác để tiêu diệt giáo phái Bình Xuyên. Ngày 20/5/1955, tiếp tục mở chiến dịch Đinh Tiên Hoàng đánh giáo phái Hòa Hảo. Tuy nhiên, vì chưa thu phục được giáo phái này, nên ngày 1 tháng 1 năm 1956, Quân lực Việt Nam Cộng hòa mở thêm chiến dịch Nguyễn Huệ, huy động *"4 sư đoàn bộ binh, 6 chi đoàn thiết giáp, 5 tiểu đoàn pháo binh, 4 hải đoàn xung phong, 1 tiểu đoàn nhảy dù"*[40] do Dương Văn Minh chỉ huy để tiêu diệt giáo phái Hòa Hảo. Đối với giáo phái Cao Đài, chính quyền Sài Gòn dùng chính sách mua chuộc và chia rẻ nội bộ để thu phục.

Sau khi đã cơ bản loại trừ được các thế lực thân Pháp, chính quyền Việt Nam Cộng hòa mở các cuộc hành quân ở địa phương như chiến dịch Phan Châu Trinh, đánh phá thí điểm các tỉnh ở Trung Bộ; chiến dịch Giải phóng đánh phá Quảng Ngãi và Bắc Bình Định; chiến dịch Trịnh Minh Thế đánh phá các điểm ở quân khu V để chuẩn bị cho chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng".

Từ tháng 5/1955 đến tháng 5/1956, chính quyền Sài Gòn tiến hành chiến dịch tố cộng giai đoạn I và từ giữa năm 1956 tiến hành giai đoạn II của chiến dịch, coi chiến dịch tố cộng là *"chủ lực của cách mạng quốc gia"*. Để thực hiện được mục tiêu trên, chính quyền Sài Gòn đã chỉ đạo Quân lực Việt Nam Cộng hòa tiến hành các cuộc càn quét, bắt bớ nhằm diệt tận gốc "Việt Cộng nằm vùng" và "Bình định" nông thôn như ở miền Tây. Quân lực Việt Nam Cộng hòa còn tổ chức chiến dịch Thoại Ngọc Hầu, từ ngày 24/6/1956 đến ngày 24/2/1957, huy động *"2 sư đoàn số 11 và số 13, 6 trung đoàn, và 4 hải đoàn"*[41] nhằm thanh toán tàn dư giáo phái và lực lượng cách mạng. Ở miền Đông, tổ chức chiến dịch Trương Tấn Bửu từ ngày 17/7/1956 đến 15/12/1957, huy động *"1 sư đoàn, 2 trung đoàn và*

[37] Trần Trọng Trung (1987), Sđd, Tr. 123.
[38] Bài viết của Max Clos, Miền Nam Việt Nam sau thời Diệm, Phông phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 3059, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tr. 69.
[39] Bài viết của Max Clos, Tlđd, Tr. 69.
[40] Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), Sđd, Tr. 72.
[41] Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), Sđd, Tr. 194.

1 hải đoàn"[42] kết hợp với Bảo an đoàn nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng và tàn quân Bình Xuyên, Cao Đài để kiểm soát biên giới, tái lập an ninh nông thôn. Ngoài ra, từ ngày 1/10/1957 đến hết tháng 12/1957, Quân lực Việt Nam Cộng hòa tiến hành mở cuộc càn quét thứ 2 vào Tây Nam Bộ với *"1 sư đoàn, 1 trung đoàn, 4 hải đoàn"*[43] cùng Bảo an đoàn, Dân vệ đoàn ở các địa phương nhằm củng cố tình hình và bắt bớ những người tham gia cách mạng. Sang năm 1958, Quân lực Việt Nam Cộng hòa tập trung lực lượng chủ lực tiến hành càn quét 8 tỉnh miền Đông Nam Bộ và Sài Gòn bằng các cuộc hành quân Nguyễn Trãi và Hồng Châu… Ngày 6/5/1959, chính quyền Sài Gòn ban hành Luật 10/59, lập Tòa án Quân sự đặc biệt tử hình bất kỳ ai đe đọa "an ninh quốc gia" hoặc tham gia phong trào cách mạng. Theo luật này, Tòa án Quân sự đặc biệt được lập ra để xét xử không chỉ những người hành động chống đối với chính quyền Sài Gòn mà cả những người chỉ mới nghĩ tới việc chống đối đều là "những công dân bất hợp pháp". Và dù loại nào *"cũng chỉ được nhận 2 loại án: Tử hình hoặc tù chung thân"*[44]. Để thực hiện luật này, chính quyền Sài Gòn cho bộ máy quân lực tiến hành các cuộc hành quân càn quét trên quy mô lớn với *"219 cuộc hành quân càn quét, trong đó có 156 cuộc càn quét cấp tiểu đoàn đến sư đoàn"*[45], các cuộc hành quân đã làm cho miền Nam chìm ngập trong tiếng than khóc, oán hờn, tội ác chồng chất đến độ "trời không dung đất không tha".

Chính quyền Sài Gòn dùng bộ máy quân sự để đàn áp nhân dân bằng bạo lực phản cách mạng thì nhân dân ắt phải nổi dậy đó là quy luật, khi chính quyền càng khủng bố đàn áp thì phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam càng lên cao. Cùng với việc đàn áp phong trào quần chúng, chính quyền Sài Gòn còn thực thi những chính sách gia đình trị độc tài, tham lam và tàn bạo đã gây nên sự chống đối, căm phẫn ngay trong lòng của chính quyền này. Họ đã tự cô lập với quần chúng, xa lánh dần cộng sự, bất cứ một chống đối nào dù chỉ trong khuôn khổ *"chân thành hợp tác"* đều bị coi như nguy hiểm cho chế độ. Điều đó, đã làm cho mẫu thuẫn ngay trong chính quyền Sài Gòn ngày càng sâu sắc và khủng hoảng trở nên trầm trọng hơn bắt đầu từ năm 1960 – năm đánh dấu thời kỳ tạm thời ổn định của chính quyền Sài Gòn đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp, suy sụp nghiêm trọng bắt đầu. Đó là năm phát triển của cách mạng miền Nam với phong trào Đồng Khởi, là năm ra đời của Mặt trận giải phóng Miền Nam Việt Nam (20/12/1960), bản Tuyên ngôn của nhóm Caravelle (26/4/1960) và cuộc đảo chính của "Nhảy dù" ngày 11/11/1960.

Từ sau vụ đảo chính ngày 11/11/1960, chính quyền Sài Gòn ra sức khủng bố, thanh trừng trong chính nội bộ của mình khiến cho bầu không khí chính trị ở miền Nam vốn đã ngột ngạt lại càng ngột ngạt hơn, một số tướng tá bị chất vấn, cảnh báo, thuyên chuyển hoặc bị cách chức. Cuộc đàn áp quyết liệt của mật vụ Cố vấn chính trị Tổng thống bao trùm khắp giới quân đội, công sở, học đường, trí thức, tư nhân... đâu đâu cũng sống trong cảnh lo ngại bị tố cáo, bị tình nghi như sau này tướng Trần Văn Đôn than phiền: *"chẳng có liên quan gì đến vụ đảo chính này cũng bị Diệm nghi ngờ"*[46]. Ở "chiến trường chính trị" là vậy, còn trên chiến trường quân sự thì Quân lực Việt Nam Cộng hòa vẫn không ngăn được sự phát triển ngày càng nhanh của lực lượng cách mạng, không hãm được đà xuống dốc của Việt Nam Cộng hòa, chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam đứng trước nguy cơ thất bại. Quân lực Việt Nam Cộng hòa thay đổi về chiến thuật song vẫn không đánh bại được lực lượng cách mạng miền Nam, kế hoạch bình định của Staley đứng trước nguy cơ phá sản, càng nhiều

[42] Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), Sđd, Tr. 194.
[43] Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), Sđd, Tr. 195
[44] Trần Trọng Trung (1987), Sđd, Tr. 139.
[45] Nguyễn Xuân Hoài (2011), Tlđd, Tr. 124.
[46] Trần Trọng Trung (1987), Sđd, Tr. 165.

"ấp chiến lược" mọc lên, phong trào đấu tranh của nhân dân càng dâng cao, lan rộng.

Sang năm 1963, Mỹ cần một những chiến thắng để mang lại niềm kiêu hãnh cho nước Mỹ, cũng như muốn thể hiện ưu thế trên chiến trường về sức mạnh quân sự của chính quyền Sài Gòn, thế nhưng ngay lập tức người Mỹ và Quân lực Việt Nam Cộng hòa phải hứng chịu thất bại tại Ấp Bắc. Với số quân đông hơn, vũ khí hiện đại hơn, bao gồm sư đoàn 7 có 8 tiểu đoàn chủ lực, 35 máy bay chiến đấu, 13 xe bọc thép M113, 13 tàu chiến đã thất bại trước tiểu đoàn 514 không tới 400 quân của cách mạng. Sự kiện Ấp Bắc đã khiến cho báo chí Mỹ phanh phui và tuyên bố miền Nam Việt Nam đang trở thành một thứ "bãi lầy" hay "cát lún" nghĩa địa của uy tín và danh dự Mỹ. Đây là một thất bại cay đắng không chỉ về chiến thuật "trực thăng vận" và "thiết xa vận" mà cả về chiến lược trong "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ-Ngụy. Những vũ khí tối tân của Mỹ không thể thắng nỗi quân dân miền Nam, Quân lực Việt Nam Cộng hòa không thể thắng được quân giải phóng. Trước tình hình trên, trong chính giới Mỹ đã hình thành những khuynh hướng ngược chiều nhau trong việc giải quyết vấn đề ở miền Nam Việt Nam. Khuynh hướng thứ nhất, tiếp tục sử dụng "con bài" Ngô Đình Diệm nhưng buộc ông ta phải cải tổ thực sự ở miền Nam Việt Nam và đưa vợ chồng Ngô Đình Nhu ra khỏi Việt Nam, bảo vệ cho khuynh hướng này có đại sứ Mỹ ở Sài Gòn là Nolting, đại tá CIA Mỹ Richarson. Khuynh hướng thứ hai là loại bỏ Ngô Đình Diệm và tìm ra một "con bài" khác thay thế. Trong khi chính giới Mỹ còn đang phân vân giữa hai khuynh hướng trong việc giải quyết vấn đề ở Nam Việt Nam thì phong trào của học sinh, sinh viên ngày càng nở rộ, cùng với đó phong trào Phật giáo ở miền Nam nổ ra. Để ổn định tình hình, chính quyền Sài Gòn đã tiến hành bắt giam, tra tấn thậm chí thủ tiêu những người tham gia hoạt động trong các phong trào này, dư luận trong nước, dư luận thế giới, đặc biệt là dư luận Mỹ bùng nổ phản ứng gay gắt. Tuy nhiên, những phản ứng đó đều bị chính quyền Sài Gòn bỏ ngoài tai và hơn thế nữa đêm 20 rạng ngày 21/8 /1963, chính quyền Sài Gòn đã cho lực lượng quân đội thanh tảo các chùa chiền ở miền Nam Việt Nam, đưa tới sự căm phẫn chế độ lên tới tột cùng. Chính những hành động này của chính quyền Sài Gòn đã làm cho Mỹ quyết định *"Diệm không còn thời gian để đáp ứng các yêu cầu…, xin phép được gặp các tướng lĩnh Sài Gòn để thông báo cho họ rằng người Mỹ sẵn sàng chấp nhận chính quyền Diệm không có Nhu"*[47]. Vậy tức là Mỹ đi đến một giải pháp loại bỏ vai trò của vợ chồng Ngô Đình Nhu, thiết lập một chế độ có Diệm mà không có Nhu, với Diệm là một "ông vua" duy nhất của Việt Nam Cộng hòa. Tuy nhiên, Ngô Đình Diệm đã phản đối giải pháp này của Mỹ *"Tại sao Tổng thống Kennedy có anh em trong chính phủ Hoa kỳ lại đặt vấn đề không muốn em tôi làm cố vấn? Tôi không muốn cho ai chia rẽ anh em tôi dù là hảo ý của Tổng thống Mỹ"*[48]. Chính vì thế, Mỹ thấy cần phải nhanh chóng "khuyến khích" các tướng tá trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa làm đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm. Được Mỹ bật đèn xanh, ngày 1/11/1963, các tướng tá trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa đứng đầu là Dương Văn Minh cùng với một số nhân vật chóp bu khác trong như Tôn Thất Đính, Trần Văn Đôn, Trần Thiện Khiêm, Nguyễn Khánh, Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Văn Thiệu, Mai Hữu Xuân… tiến hành cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm. Tham gia cuộc đảo chính có *"Sư đoàn 5: Trung đoàn bộ binh số 7, Đại đội tình báo số 5, Đội pháo binh hỗn hợp; Lực lượng tác chiến Vạn-kiếp: Tiểu đoàn 2/9, Tiểu đoàn bay/ không quân số 6, 2 Chi đội xe bọc thép (xe tăng), 2 Đại đội Armour school trainees; Lực lượng tác chiến số 11: Trung đoàn bộ binh số 11, Lực lượng tác chiến 4/2; Lực lượng dự phòng (Trại đóng quân Lê Văn Duyệt): Chi đội xe bọc sắt 1/1, 3*

[47] Trần Trọng Trung (1987), Sđd, Tr. 243.
[48] Nguyễn Phương Nam (2005), *Bầy diều hâu gãy cánh*, Nxb. Lao Động, Tr. 98.

đại đội hỗ trợ bộ binh"[49]. Cuộc đảo chính diễn ra và đạt được mục tiêu một cách nhanh chóng đó là lật đổ chính quyền Diệm-Nhu và thành lập chính phủ mới theo kế hoạch của Mỹ, tuy nhiên cái chết của Diệm-Nhu đã làm cho kế hoạch thay đổi nhà nước tay sai của Mỹ phá sản, mọi toan tính của Mỹ thất bại từ trong ý tưởng. Vì vậy khi trả lời báo giới về cuộc đảo chính 1/11/1963, Phó Tổng thống Mỹ Nixon nói: *"Trong những năm qua, triển vọng của chúng ta ở miền Nam đã đi từ mức tương đối xấu tới mức tệ không tả nổi. Các bạn đồng minh ở Châu Á đang mất tin tưởng ở chúng ta. Vụ giết tổng thống Diệm hồi tháng 11 năm ngoái trong cuộc đảo chính được Mỹ khuyến khích, đã có ảnh hưởng tai hại tới thanh danh của Mỹ ở toàn bộ Châu Á. Vụ ấy là một trong những điểm đen tối nhất trong lịch sử ngoại giao của Mỹ"* [50]. Còn Thượng nghị sĩ Mike Mansfield, Lãnh đạo Đảng Dân chủ, Thượng nghị viện Hoa kỳ thừa nhận bởi vì chính phủ Hoa Kỳ có liên quan, tới cuộc đảo chính *"nên tôi cho rằng xuất phát từ tất cả những sự kiện"* trong cuộc đảo chính 1/11/1963, *"cần có một sự xem xét và nhận định lại ngay lập tức chính sách của chúng ta tại Nam Việt Nam và đồng thời trên toàn Đông Nam Á"*[51].

Nói tóm lại, mọi hoạt động của Quân lực Việt Nam Cộng hòa đều không rời xa bàn tay của người Mỹ. Những hoạt động đó đi ngược lại những nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam đó là độc lập, hòa bình thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Mọi hoạt động đó, kể cả những cuộc đảo chính do Quân lực Việt Nam Cộng hòa tiến hành đều gắn liền với mục đích của người Mỹ nhằm xây dựng một bộ máy chính quyền "biết nghe lời", một đội quân hùng hậu, một căn cứ quân sự hiện đại để đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam, từng bước biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và chuẩn bị tiến hành "Bắc tiến" trong tương lai.

4. Kết luận

Có thể nói trong giai đoạn 1955-1963, Mỹ đã từng bước xác lập và xây dựng được một bộ máy "quân lực" hết sức hiện đại từ tổ chức biên chế đến hoạt động tác chiến, chiến thuật theo kiểu Mỹ ở miền Nam Việt Nam với mục tiêu bảo vệ chính quyền sài Gòn, đàn áp phòng trào cách mạng, thu phục các phe phái đối lập và thực hiện các âm mưu dài hơi trong việc "Bắc tiến"của Mỹ.

Cùng với việc xây dựng hệ thống tổ chức quân sự với trang thiết bị hiện đại thì viện trợ quân sự và cố vấn quân sự đã trở thành vấn đề sống còn đối với chính quyền Sài Gòn nói chung và Quân lực Việt Nam Cộng hòa nói riêng, người Mỹ bộc bạch như sau *"không có sự viện trợ của Mỹ chắc chắn chế độ Diệm không thể nào sống sót được"*[52] và họ đi đến khẳng định: *"nếu chúng ta không phải là bố đẻ của Việt Nam Cộng hòa thì chúng ta là bố nuôi của nó. Chúng ta chứng kiến việc nó ra đời, chúng ta giúp cho nó sống, chúng ta giúp nó xây dựng tương lai…"*[53]. Điều đó hoàn hoàn đúng bởi chỉ riêng năm tài khóa 1962-1963, viện trợ quân sự của Mỹ là *"500 triệu đôla"* trong khi đó tổng số vốn dân sự và quân sự của chính quyền Sài Gòn chỉ vẻn vẹn *"315 triệu đôla"*. Số liệu còn kinh khủng hơn khi mà chính quyền Sài Gòn thống kê *"từ năm 1955-1963, viện trợ quân sự đã chiếm hơn 88% tổng chương trình viện trợ của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam"*[54]. Ngoài viện trợ về quân sự thì cố vấn quân sự của Mỹ không ngừng gia tăng, nếu như *"cuối năm 1954: 200 người, cuối năm 1959 là 2000 người"*[55] thì đến năm 1961, để tiến hành chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mỹ đã tăng lên *"3200 người"*[56]. Cùng với cố vấn quân sự thì quân đội của Mỹ hiện diện ở miền Nam cũng được gia tăng từ 11.300 người

[49] Policy of military Revolutionary Council and the Provisional Government of the Republic of Viet Nam(1963), Ministry of Inpormation, SaiGon, Tr. 34.
[50] *Tổng tập Trần Văn Giàu* (2006), Nxb. Công an nhân dân, Tr. 1254.
[51] Policy of military Revolutionary Council and the Provisional Government of the Republic of Viet Nam(1963), Tlđd, Tr. 38.
[52] Trần Trọng Trung (1987), Sđd, Tr. 103-104.
[53] Trần Trọng Trung (1987), Sđd, Tr. 103-104.
[54] Nguyễn Xuân Hoài (2011), Tlđd, Tr. 35.
[55] Trần Trọng Trung (1987), Sđd, Tr. 118.
[56] Nguyễn Xuân Hoài (2011), Tlđd, Tr. 35.

(31/12/1962), 16.300 người (31/12/1963) với nhiệm vụ không chỉ làm huấn luyện viên và cố vấn quân sự mà còn "yểm trợ cho các hoạt động chiến đấu của Quân lực Việt Nam Cộng hòa[57].

Tuy nhiên ở trên chiến trường, dù trang thiết bị hiện đại, cố vấn quân sự và viện trợ quân sự của Mỹ không ngừng được gia tăng nhưng Quân lực Việt Nam Cộng hòa không thể đánh bại được quân Giải phóng điều đó đã được chứng minh trong trận Ấp Bắc. Từ sau trận Ấp Bắc, các chiến dịch càn quét quy mô lớn nhỏ của Quân lực Việt Nam Cộng hòa đều lần lượt thất bại như chiến dịch "Sóng tình thương", chiến dịch "Đức Thắng"… Những thất bại trên chiến trường đã làm gia tăng mâu thuẫn giữa Mỹ và chính quyền sài Gòn, họ không ngừng chỉ trích nhau, đổ lỗi cho nhau về sự thất bại về mặt quân sự. Sự thất bại trên chiến trường cộng với sự phát triển của phong trào Phật giáo, của học sinh sinh viên và khắp các giai tầng sôi động và kéo dài đã đẩy chính quyền Sài Gòn và Quân lực Việt Nam Cộng hòa vào cuộc khủng hoảng toàn diện. Đứng trước nguy cơ thất bại của chủ nghĩa thức dân mới, Mỹ đã "bật đèn xanh" cho các tướng lĩnh tiến hành cuộc đảo chính ngày 1/11/1963 lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, một nhà nước thuộc địa kiểu mới do chính họ dựng lên ở miền Nam Việt Nam.

Từ sau cuộc đảo chính, Quân lực Việt Nam Cộng hòa bị nhiều tổn thất, chia rẽ nội bộ và bị lôi cuốn vào cuộc khủng hoảng chính trị triền miên của chính quyền Sài Gòn (1963-1965). Để cứu vãn tình hình, Mỹ buộc phải dựng nên nền "Đệ nhị Cộng hòa" do các tướng lĩnh nắm quyền chính trị và chuyển hướng sang chiến lược "chiến tranh cục bộ". Trong thời gian thực hiện chiến tranh cục bộ (1965-1968) do Mỹ đề ra, Quân lực Việt Nam Cộng hòa được Mỹ cũng cố, với số quân lên tới trên 800 ngàn người, phối hợp hoạt động với 536.000 quân Mĩ và gần 66.000 quân thuộc một số nước đồng minh của Mĩ (1968)[58]. Tuy vậy, ở trên chiến trường, Quân lực Việt Nam Cộng hòa tiếp tục thất bại. Đặc biệt là sự thất bại trong hai cuộc Phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 và sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 của quân giải phóng đã buộc Mỹ phải thay thế chiến lược chiến tranh, chuyển sang chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh (1969-1975). Để thực hiên chiến lược chiến tranh mới này, Mỹ đã tăng cường viện trợ quân sự, gia tăng quân số cho Quân lực Việt Nam Cộng hòa lên 1.100.000 (1971)[59] với khí tài hiện đại, đủ sức chiến đấu trên chiến trường và từng bước rút quân Mỹ và đồng minh ra khỏi Nam Việt Nam. Chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh, ít nhiều đã gây khó khăn cho quân giải phóng. Tuy nhiên, bằng cuộc tiến công chiến lược năm 1972 ở miền Nam và thắng lợi trên mặt trận quân sự của 3 nước Đông Dương, đặc biệt là đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng không quân – 12 ngày đêm cuối năm 1972 của quân dân miền Bắc, đập tan uy lực của không quân Hoa Kỳ, đã gây những thất bại nặng nề cho Mỹ và Quân lực Việt Nam Cộng hòa, buộc Hoa Kỳ phải ký Hiệp định Pari (1973) về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Sau khi Mỹ rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam theo Hiệp định Pari, thế và lực trên chiến trường miền Nam đã thay đổi, có lợi cho ta, bất lợi chính quyền Sài gòn. Sức chiến đấu của Quân lực Việt Nam Cộng hòa suy sụp trầm trọng. Trong khi đó, quân giải phóng tiếp tục giành được những ưu thế lớn trên chiến trường, đặc biệt là thắng lợi của Chiến dịch Đường 14 với chiến thắng Phước Long (13/12/1974 đến 6/1/1975). Chiến thắng này đã khẳng định rõ hơn sự suy sụp của Quân lực Việt Nam Cộng hòa, phản ứng rất hạn chế của Hoa Kỳ, tạo thêm cơ sở để quân giải phóng mở cuộc Tổng

[57] Nguyễn Xuân Hoài (2011), Tlđd, Tr. 35.

[58] Bộ Quốc phòng-Trung tâm từ điển bách khoa quân sự (2009), *CDR Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam.*

[59] Dẫn theo tác giả Phạm Đình Chi (1970-1971) "Tổ chức Quân lực Việt Nam Cộng hòa thời hậu chiến", Lục quân: 447.456; Không quân: 46.998; Hải quân: 39.611; Thủy quân lục chiến: 13.462; Địa phương quân: 29.446; Nghĩa quân: 258.027.

tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Mở đầu cho cuộc Tổng tiến công này là chiến dịch Tây Nguyên (4/3 đến 24/3/1975), quân giải phóng đã tiêu diệt và làm tan rã Quân đoàn 2 - Quân khu 2 của Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Tiếp đó, Chiến dịch Trị Thiên-Huế (5 đến 26/3/1975), chiến dịch Đà Nẵng (26 đến 29-3-1975) đã làm tàn rã Quân đoàn 1- Quân khu 1 của Quân lực Việt Nam Cộng hòa, giải phóng các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi và Huế, Đà Nẵng. Cuối cùng là chiến dịch Hồ Chí Minh (26 đến 30/4/1975) đánh thẳng vào đầu não của Quân lực Việt Nam Cộng hòa và chính quyền Sài Gòn. Với những "đòn chí mạng" trên mặt trận quân sự mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chính quyền Sài Gòn và Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã tan rã hoàn toàn và buộc phải đầu hàng vô điều kiện quân giải phóng vào ngày 30/4/1975, miền Nam Việt Nam hoàn toàn giải phóng (2/5/1975), kết thúc 21 năm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, non sông gấm vóc thu về một mối.

Organizational structure and operations of the Republic of Vietnam Military Forces (1955-1963)

- **Vu Quy Tung Anh**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

The Republic of Vietnam Military Forces (RVNMF) is a product of the neocolonialism and the US war in South Vietnam. It is organized, staffed, well-equipped in a modern way to carry out combat operations with the US military. After understanding its organization and activities in the period 1955-1963, the author gives out some explanation for the failure of the US in the neocolonialism war in South Vietnam which is actually a military defeat.

Keywords: *The Republic of Vietnam Military Forces, Neocolonialism in America, South Vietnam*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Huấn thị thi hành Sắc lệnh số 132/QP ngày 25-10-1963 về việc phân chia lãnh thổ Quốc gia thành 4 Vùng chiến thuật và 1 Biệt khu Thủ đô, Phông Phủ Tổng thống đệ nhất Cộng hòa, Hồ sơ 2974, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

[2]. Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975),*Tập 2 Chuyển chiến lược (2003)*,Nxb. Chính trị Quốc gia.

[3]. Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (2009), *Phần thứ 2 Nam Bộ kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*, Bản photo.

[4]. Nguyễn Phương Nam (2005), *Bầy diều hâu gãy cánh*, Nxb. Lao Động.

[5]. Nguyễn Xuân Hoài (2011), Luận án Tiến sĩ "Chế độ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1955-1963", Trường ĐHKHXH&NV,TP.HCM.

[6]. Phạm Đình Chi (1970-1971), *Tổ chức Quân lực Việt Nam Cộng hòa thời hậu chiến*, Vv 2779, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

[7]. Phiếu đệ trình của Bộ trưởng Quốc phòng về việc thành lập Quân đoàn 1, Phông Phủ Tổng thống đệ nhất Cộng hòa, Hồ sơ 1097, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

[8]. Policy of military Revolutionary Council and the Provisional Government of the Republic of Viet Nam(1963), Ministry of Inpormation, SaiGon.

[9]. Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn hình thành 1946-1955, Vv 4053, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

[10]. Tài liệu PT/TTM, Bản tổng kết toàn thể quân số thuộc Hải-Lục-Không quân tính đến tháng 11-1956, Phông Phủ Tổng thống đệ nhất Cộng hòa, Hồ sơ 935, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

[11]. *Tổng tập Trần Văn Giàu* (2006), Nxb. Công an nhân dân.

[12]. Trần Trọng Trung (1987), *Một cuộc chiến tranh sáu đời Tổng thống*, Tập 2, Nxb. Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh.

[13]. Viện lịch sử quân sự-Bộ quốc phòng, *Hệ thống tổ chức quân sự của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa (2003)*, Nxb. Quân đội.